TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày 02/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Kim Hùng.

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Đông Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2018/HSST ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **Dương Quốc B**, sinh năm: 1991.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp PT, xã PK, huyện CG, tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Dương Văn B, sinh năm 1962 (chết).

Con bà: Nguyễn Thị K, sinh năm 1956 (sống).

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1985.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Bị cáo có 03 tiền án: Bản án số 137/2011/HSST ngày 17/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản án số 57/2012/HSST ngày 17/5/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Bản án số 55/2012/HSST ngày 12/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tổng hợp hình phạt 03 bản án phải chấp hành là 05 (năm) năm tù, đã chấp hành xong ngày 26/10/2015.

Bị cáo hiện tại bị tạm giam, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Họ và tên: **Nguyễn Đức Đ**, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp KP, xã TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Không.

Trình độ học vấn: 6/12.

Con ông: Nguyễn Đức E, sinh năm 1958 (sống).

Con bà: Trương Thị T, sinh năm 1956 (sống).

Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm: 1989.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo hiện tại bị tạm giam, bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bị hại:

Trần Thị Minh N, sinh năm: 1983 (Xin vắng mặt).

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: KP 4, thị trấn MC, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa, tỉnh Tiền Giang, Dương Quốc B quen biết một thanh niên tên Huy (không rõ lai lịch, địa chỉ). Khoảng 22 giờ ngày 29/5/2016, Huy điện thoại rủ B đi tìm tài sản để trộm thì được B đồng ý, B rủ thêm Nguyễn Đức Đ cùng tham gia. Sau khi hẹn gặp nhau, Đ điều khiển xe môtô của B chở Huy và B đi từ xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đến địa bàn huyện M. Khoảng 00 giờ ngày 30/5/2016, khi lưu thông trên Quốc lộ số 60 thuộc ấp AV, xã ĐPH, huyện M, Đ phát hiện thấy xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 nhãn hiệu HONDA màu đỏ - đen - bạc của chị Trần Thị Minh N dựng bên trong cửa hàng trang trí nội thất do chị Nguyệt làm chủ. Đ dừng xe lại, Huy ở bên ngoài xe cảnh giới, B và Đ đi vào dùng kiềm thủy lực (do B chuẩn bị sẵn) cắt ổ khóa cửa rào, Đ đột nhập vào bên trong lén đến lấy trộm xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 dẫn ra lộ bứt dây mass. Sau đó, Đ điều khiển xe trộm được, Huy chở B cùng tẩu thoát về tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 31/5/2016, B và Đ đem xe trộm được đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người tên Út (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Tang vật trong vụ án là xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 nhãn hiệu HONDA của chị Trần Thị Minh N hiện tại không thu hồi được.

Ngày 10/6/2016, Hội đồng định giá tài sản huyện M xác định xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 do Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ chiếm đoạt có giá trị là 8.500.000 đồng.

Tại Bản kết luận số 37/2017/GĐĐV ngày 04/10/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vết đường vân thu tại hiện trường

ký hiệu số 1, 2, 3 với điểm chỉ ngón "Giữa trái", "Nhẫn trái" và "Út trái" trên chỉ bản mang tên Dương Quốc B, sinh năm: 1991 là do cùng một người để lại.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKS ngày 22 tháng 3 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Dương Quốc B trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 29/5/2016, Huy điện thoại rủ bị cáo đi tìm tài sản để trộm, bị cáo rủ thêm Nguyễn Đức Đ cùng tham gia. Khoảng 00 giờ ngày 30/5/2016, khi Đ điều khiển xe môtô chở bị cáo và Huy lưu thông trên Quốc lộ số 60 thuộc ấp AV, xã ĐPH, huyện M thì phát hiện thấy xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 của chị Trần Thị Minh N dựng bên trong cửa hàng do chị làm chủ, bị cáo và Đ vào dùng kiềm thủy lực đã chuẩn bị sẵn cắt ổ khóa cửa rào, Đ đột nhập vào bên trong lấy trộm xe. Sau đó, Đ điều khiển xe trộm được, Huy chở bị cáo tẩu thoát. Đến ngày 31/5/2016, bị cáo và Đ đem xe trộm được đi Thành phố Hồ Chí Minh bán cho người tên Út (không rõ lai lịch) với giá 3.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết.

Bị cáo Nguyễn Đức Đ trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 29/5/2016, Dương Quốc B điện thoại rủ bị cáo đi tìm tài sản để trộm. Khoảng 00 giờ ngày 30/5/2016, bị cáo điều khiển xe môtô của B chở B và Huy lưu thông trên Quốc lộ số 60 thì phát hiện thấy một xe môtô của chị Trần Thị Minh N dựng bên trong cửa hàng, bị cáo và B dùng kiềm thủy lực đã chuẩn bị sẵn cắt ổ khóa đột nhập vào bên trong lấy trộm xe rồi tẩu thoát về tỉnh Tiền Giang. Đến ngày 31/5/2016, bị cáo và B đem bán xe trộm được với giá 3.000.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài hết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Đ lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Dương Quốc B từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án số 77/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Mức hình phạt chung phải chấp hành là từ 21 năm đến 21 năm 6 tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 20; Điều 53 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt với các hình phạt 11 năm tù của các bản án: 02 năm tù theo Bản án số 04/2017/HSST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang; 01 năm 6 tháng tù theo Bản án hình sự sơ thẩm số 17/2017/HSST ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; 03 năm 6 tháng tù theo Bản án số 10/2017/HSST ngày 06/3/2017 của Tòa an nhân dân huyện CG, tỉnh Tiền Giang; 04 năm tù theo Bản án số 34/2017/HSPT ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Mức hình phạt chung phải chấp hành là từ 12 năm đến 12 năm 6 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Người bị hại Trần Thị Minh N yêu cầu hai bị cáo bồi thường thiệt hại với số tiền 8.500.000 đồng. Bị cáo Dương Quốc B đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bồi thường số tiền 500.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ có nghĩa vụ liên đới bồi thường số tiền còn lại là 7.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Không có.

- Các nội dung khác: Đối với người thanh niên tên Huy cùng tham gia thực hiện vụ trộm với Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ; người đàn ông tên Út mua xe do Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ trộm được mà có do không xác định được lai lịch và địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau khi có đủ căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo B và bị cáo Đ nhận tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 00 giờ ngày 30/5/2016, tại ấp AV, xã ĐPH, huyện M, Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ cùng một đối tượng tên Huy (không rõ lai lịch, địa chỉ) có hành vi

lén lút chiếm đoạt xe môtô nhãn hiệu Honda màu đỏ - đen - bạc biển kiểm soát 35M1-9879 của người bị hại Trần Thị Minh N.

Bị cáo Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Đây là lỗi cố ý trực tiếp của các bị cáo. Hành vi của bị cáo B và Đ đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của chị Trần Thị Minh N. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sở hữu tài sản hợp pháp, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương gây tâm lý bất an cho người dân. Vì vậy, việc cách ly các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ ra khỏi xã hội một thời gian là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

Bị cáo B là người chủ mưu, rủ rê còn bị cáo Đ là người thực hiện. Do đó, cần xem xét lượng hình phạt đối với từng bị cáo cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Dương Quốc B phạm tội với tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo Dương Quốc B đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bồi thường số tiền 500.000 đồng cho người bị hại Trần Thị Minh N.

Buộc bị cáo Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ liên đới bồi thường cho người bị hại Trần Thị Minh N số tiền là 7.000.000 đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

Chiếc xe môtô biển kiểm soát 35M1-9879 nhãn hiệu HONDA màu đỏ - đen - bạc của chị Trần Thị Minh N là tang vật trong vụ án, hiện tại không thu hồi được nên không xem xét.

[7] Về án phí:

Bị cáo Dương Quốc B và Nguyễn Đức Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 20; Điều 53 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Dương Quốc B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt của Bản án số 77/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt bị cáo 19 (mười chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 21 (hai mươi mốt) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25/7/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1 Điều 46; Điều 30; Điều 20; Điều 53 và Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Đ 01 (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của các bản án theo Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 47/2017/QĐ-CA ngày 06/10/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang là 11 (mười một) năm tù. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt là 12 (mười hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 25/7/2016.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Ghi nhận bị cáo Dương Quốc B đã bồi thường số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Đức Đ đã bồi thường số tiền 500.000 đồng cho người bị hại Trần Thị Minh N.

Buộc các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ liên đới bồi thường cho người bị hại Trần Thị Minh N số tiền là 7.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Dương Quốc B, Nguyễn Đức Đ mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 175.000đ (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cụcTHADS huyện M;
- UBND cấp xã;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hồng Dân